

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG BÌNH  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU CẢNH

---

**KẾ HOẠCH**  
**GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**NĂM HỌC 2022 - 2023**

Tháng 10 năm 2022



## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2022 – 2023

### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Công văn số 1660/SGDDĐT-GDTrHTX của Sở GD&ĐT Quảng Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022-2023, Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường như sau:

#### 1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục địa phương

Trong những năm qua, cùng với cả nước, Quảng Bình đã có sự phát triển mạnh mẽ về KT - XH. Sự phát triển kinh tế tạo tiền đề cho văn hóa - xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần, trình độ dân trí của nhân dân không ngừng được nâng lên, phụ huynh học sinh có điều kiện để đầu tư cho con, em học tập.

Ngành GD&ĐT Quảng Bình đã có những bước chuyển biến rõ rệt cả về số lượng, chất lượng và hiệu quả giáo dục. Mạng lưới trường lớp ở các cấp học, ngành học tiếp tục được mở rộng và phát triển.

Lãnh đạo các cấp, các ngành: đặc biệt là Sở GD-ĐT, Huyện ủy, HĐND, UBND và các ban, ngành, đoàn thể của Huyện thường xuyên quan tâm; sự phối hợp, hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền các xã, các thôn trên địa bàn và sự đồng thuận của phụ huynh học sinh góp phần thúc đẩy công tác giáo dục khởi sắc.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội tạo điều kiện cho việc triển khai chương trình giáo dục mới.

Điểm trường và vùng tuyển sinh của nhà trường ở địa bàn kinh tế phát triển chậm, đời sống một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Học sinh diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ khá cao, điều kiện học tập khó khăn.

#### 2. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2022-2023: Trường có 16 lớp với 617 học sinh (HS nữ chiếm tỉ lệ chưa đến 30%). Khối 10: 5 lớp với 217 học sinh, Khối 11: 6 lớp với 224 học sinh, Khối 12: 5 lớp với 177 học sinh; (học sinh khuyết tật 02 em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con TB, BB, mồ côi cả cha lẫn mẹ, mồ côi cha hoặc mẹ có tỉ lệ khá cao); tỷ lệ học sinh/lớp: 39,38 em/lớp.

Là đơn vị trường học có quy mô nhỏ, số lớp, số học sinh ít; tuyển sinh không đạt chỉ tiêu do vị trí địa lý không thuận lợi, chất lượng đầu vào thấp, chủ yếu là các đối tượng học sinh không đủ điều kiện tuyển sinh vào các trường trên địa bàn huyện và cả tỉnh; ý thức của học sinh còn kém, hoàn cảnh gia đình éo le,... đa phần học sinh là con em nông dân (95%) có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhiều học sinh sống trong gia đình khuyết



thiếu không có người kèm cặp nên ý thức rèn luyện yếu trong lúc tác động tiêu cực của xã hội đến các em ngày càng gia tăng, khó kiểm soát,... là những thách thức không nhỏ đối với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

### 3. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Đội ngũ CBGVNV: hiện có 37 người trong đó CBQL 2 người (thiếu 01 CBQL), GV 31 người (thiếu 3 giáo viên), NV 4 người; VC nữ 24 người, tỷ lệ 64,9 %; tỷ lệ giáo viên/lớp 1,94 GV/lớp. Số lượng theo trình độ đào tạo: Thạc sĩ: 9 (24%), Đại học: 28; Có 100% viên chức đạt chuẩn, 24% trên chuẩn, đảng viên 35/37 đồng chí, chiếm tỉ lệ 94,6%.

Chất lượng, số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên chưa đồng đều ở các bộ môn ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng và đổi mới phương pháp dạy học.

Quy mô về lớp, học sinh của nhà trường chưa ổn định trong những năm qua nên có số lượng giáo viên dôi dư, phải làm công tác điều chuyển: hiện có 03 giáo viên điều chuyển có thời hạn; việc điều chuyển dù có thời hạn nhưng đã phần nào làm xáo trộn cuộc sống của giáo viên, ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ.

### 4. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Về cơ sở vật chất hiện tại nhà trường có:

- Hệ thống sân chơi, bãi tập rộng 15.000 m<sup>2</sup>, có sân bóng chuyền, sân bóng đá, đường chạy đảm bảo phục vụ cho học tập và các hoạt động giáo dục khác.
- Tổng số phòng học: có 16 phòng học kiên cố. Trang thiết bị trong phòng đầy đủ, đảm bảo cho hoạt động giáo dục.
- Phòng bộ môn 02 phòng (phòng tạm do sử dụng phòng học), gồm 01 phòng Tin học với 28 máy có kết nối mạng LAN và internet đảm bảo để dạy và học môn Tin học; 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng Lí, 01 phòng Hóa, 01 phòng thư viện; 01 phòng lưu trữ.
- Phòng làm việc có 15 phòng (gồm phòng làm việc của BGH, các phòng văn phòng, phục vụ; 04 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn; 01 phòng y tế, phòng Đoàn trường).

## II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

### 1. Mục tiêu chung

Nhà trường phấn đấu xây dựng một môi trường giáo dục tốt, chất lượng giáo dục ổn định. Chú trọng giáo dục cả về kiến thức, kỹ năng và đạo đức lối sống, thể chất theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Đẩy mạnh phong trào thi đua Dạy tốt, Học tốt; tăng cường công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng, lối sống cho học sinh. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng giáo dục đại trà. Đổi mới công tác quản lý, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Chi bộ Đảng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Nhà trường: Tập thể Lao động tiên tiến;

Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Đoàn trường: Vững mạnh xuất sắc;



Các tổ chức, đoàn thể khác: Vững mạnh và Vững mạnh xuất sắc.

## 2. Chỉ tiêu cụ thể:

### 2.2.1. Qui mô, số lượng

Giữ vững quy mô số lượng ổn định: 16 lớp với 617 HS. Giảm tỷ lệ học sinh bỏ học xuống dưới 1,1% (7 học sinh)

### 2.2.2. Chất lượng các mặt giáo dục

#### \* Chỉ tiêu các bộ môn:

Bộ môn	Giỏi/Tốt (%)	Khá (%)	TB/Đạt (%)	Yếu/CĐ (%)	Kém (%)	$\geq$ TB (%)	Ghi chú
Toán	6	28	55.5	10	0	90	
Văn	9.39	38.67	48.38	3.56	0	96.44	
Anh	4.5	26	51.5	18	0	82	
Lý	6.5	48	35.5	10	0	90	
Hóa	9	49	36	6	0	94	
Sinh	16	58	21	5	0	95	
Sử	7.93	47.25	36.25	8.58	0	91.42	
Địa	14.78	60.52	22.61	2.09	0	97.91	
GDCD	25	67.5	6.5	1	0	99	
Tin	12	55.5	30.5	2	0	98	
CN11,1 2	35	54	10	1	0	99	
CN10	14	70	14	2	0	97	
TD	99.5			0.5	0	99.5	
QPAN	30	64	5.5	0.5	0	99.5	
GD ĐP	100			0	0	100	
HĐ TN- HN	100			0		100	

\* Chỉ tiêu về Học lực, Hạnh kiểm chung toàn trường

Xếp loại	Giỏi/Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/Chưa đạt	Kém	Ghi chú
Hạnh kiểm	58,5	37,9	3,4	0,3	0	
Học lực	6,3	37,8	51,5	4,4	0	

### 2.2.3. Kết quả tham gia các cuộc thi:

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do Sở và Huyện tổ chức; tham gia các cuộc thi do Bộ GD&ĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức (nếu có điều kiện); phần đầu đạt 12 giải văn hóa cấp tỉnh, Đạt 5 - 6 huy chương.

- Thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT: 98,87%, trên mức bình quân của tỉnh, xếp thứ từ 16 - 18 toàn tỉnh.

### 2.2.4. Giáo dục thể chất, y tế học đường

- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế

- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Tham gia đầy đủ các giải thể thao cấp huyện, cấp tỉnh.

#### 2.2.5. Giáo dục quốc phòng an ninh, an ninh trật tự, an toàn trường học

- Trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.
- Nhà trường đạt “Đơn vị văn hóa”.
- 100% học sinh học giáo dục quốc phòng đạt yêu cầu trở lên.
- Xếp loại đơn vị tự vệ: Loại giỏi.

#### 2.2.6. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, thư viện, thiết bị dạy học

Sắp xếp, sử dụng hiệu quả sử dụng phòng học, phòng đa phương tiện, phòng thí nghiệm, phòng máy vi tính. Tu sửa phòng lớp học, bổ sung bàn ghế, thiết bị dạy học, hóa chất, sách giáo khoa, sách tham khảo, đảm bảo yêu cầu tối thiểu. Xây dựng thư viện đạt chuẩn. Tiếp tục tham mưu, đề xuất sớm xây dựng nhà lớp học bộ môn phục vụ thực hành. Nâng cấp khuôn viên, sân chơi, bãi tập, xây dựng cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp. Xây dựng tường rào. Xã hội hóa sửa chữa mái và đường vào nhà xe học sinh với tổng kinh phí 183 triệu đồng.

#### 2.2.7. Chỉ tiêu bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ

- Đội ngũ trên chuẩn 9/37 đ/c (chiếm 24,3 %), mỗi năm có từ 1 - 2 giáo viên đi học cao học.
- Có 01 đ/c học Trung cấp Lý luận chính trị và 01 học Quản lý giáo dục.
- Đánh giá, xếp loại CB, GV theo Chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 14 - 16 đ/c.
- 100% giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.
- Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 1-2 giáo viên.

#### 2.2.8. Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua

- 100% cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua: Thực hiện chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị về đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phong trào thi đua Dạy tốt, Học tốt, “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

- 100% cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

#### 2.2.9. Công tác quản lý, thi đua, khen thưởng

- 100% CBQL được Sở GD & ĐT xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Xếp loại, viên chức: HTXS NV: 7 - 8 đ/c; không có CB, GV, NV không hoàn thành nhiệm vụ.
- Xếp loại thi đua cuối năm: 100% CB, GV, NV đạt danh hiệu *Lao động tiên tiến* (trong đó có 15% đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở*).
- Thi đua tổ CM: 100% tổ lao động tiên tiến, 50% tổ tiên tiến xuất sắc.

### III. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

#### 1. Khung thời gian thực hiện chương trình



Thực hiện đúng theo khung chương trình và các mốc thời gian theo Hướng dẫn của UBND tỉnh Quảng Bình<sup>1</sup>. Số tuần trong năm học: 35 tuần, từ ngày 6/9/2022 đến trước ngày 25/5/2023, trong đó:

Học kì I: Từ ngày 6/9/2022 đến trước ngày 15/01/2023; Học kì II: Từ ngày 16/01/2023 đến trước ngày 25/5/2023; Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2023.

## 2. Phân phối thời lượng các môn học và các hoạt động giáo dục

### KHỐI 10

#### Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc

TT	Nội dung giáo dục (môn học/chủ đề/HĐGD)	Tổng số tiết	Học kì I		Học kì II		Ghi chú
			Số tiết	Thời gian thực hiện	Số tiết	Thời gian thực hiện	
1	Toán	105	54	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
2	Ngữ văn	105	54	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
3	Tiếng Anh	105	54	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
4	Lịch sử	52	18	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
5	GD thể chất	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
6	GDQP và AN	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
7	HĐTN	105	54	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
8	GDĐP	35	18	Bắt đầu có sách	34	Tuần 19 đến tuần 35	

#### Các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn

Tổ hợp	Môn/chuyên đề	Tổng số tiết	Học kì I		Học kì II		Ghi chú
			Số tiết	Thời gian thực hiện	Số tiết	Thời gian thực hiện	
Tổ hợp 1	Hóa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Địa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	CN	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Tin	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	

<sup>1</sup>. Thực hiện Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023.

(10A)							
Tổ hợp 2	Địa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	GDKTP L	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
(10B)	Sinh	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Tin	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
Tổ hợp 3	Lý	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Hóa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
(10C)	Sinh	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Địa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
Tổ hợp 4	Hóa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	GDKTP L	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
(10D)	Công nghệ	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Tin	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
Tổ hợp 5	Lý	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Địa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
(10E)	CN	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
	Tin	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
Chuyên đề lựa chọn	Toán	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	Lý	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	Hóa	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	Sinh	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	Văn	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	Địa	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	GDKTP L	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	



	Công nghệ	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
	Tin học	35	18	Tuần 07 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	

## KHỐI 11

TT	Nội dung giáo dục (môn học/chủ đề/HĐGD)	Tổng số tiết	Học kì I		Học kì II		Ghi chú
			Số tiết	Thời gian thực hiện	Số tiết	Thời gian thực hiện	
1	Toán	123	72	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
2	Lý	70	37	Tuần 01 đến tuần 18	33	Tuần 19 đến tuần 35	
3	Hóa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
4	Sinh	52	27	Tuần 01 đến tuần 18	25	Tuần 19 đến tuần 35	
5	Văn	123	72	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
6	Sử	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
7	Địa	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
8	Anh	105	54	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
9	GDCD	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
10	CN	52	18	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
11	Tin học	52	18	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
12	TD	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
13	GDQP	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
14	HĐNGLL	18	10	Tuần 07 đến tuần 12	8	Tuần 26 đến tuần 30	
15	Hướng nghiệp	9	5	Tuần 07 đến tuần 12	4	Tuần 26 đến tuần 30	
16	Sinh hoạt dưới cờ	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
17	Sinh hoạt lớp	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
18	Dạy Nghề PT	105	70	Tuần 01 đến tuần 18	35	Tuần 19 đến tuần 25	

## KHỐI 12



TT	Nội dung giáo dục (môn học/chủ đề/HDGD)	Tổng số tiết	Học kì I		Học kì II		Ghi chú
			Số tiết	Thời gian thực hiện	Số tiết	Thời gian thực hiện	
1	Toán	123	72	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
2	Lý	70	37	Tuần 01 đến tuần 18	33	Tuần 19 đến tuần 35	
3	Hóa	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
4	Sinh	52	27	Tuần 01 đến tuần 18	25	Tuần 19 đến tuần 35	
5	Văn	105	72	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
6	Sử	52	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
7	Địa	52	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
8	Anh	105	54	Tuần 01 đến tuần 18	51	Tuần 19 đến tuần 35	
9	GDCD	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
10	CN	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
11	Tin học	52	18	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
12	TD	70	36	Tuần 01 đến tuần 18	34	Tuần 19 đến tuần 35	
13	GDQP	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
14	HĐNGLL	18	10	Tuần 07 đến tuần 12	8	Tuần 26 đến tuần 30	
15	Hướng nghiệp	9	5	Tuần 07 đến tuần 12	4	Tuần 26 đến tuần 30	
16	Sinh hoạt dưới cờ	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	
17	Sinh hoạt lớp	35	18	Tuần 01 đến tuần 18	17	Tuần 19 đến tuần 35	

### 3. Các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của từng tổ/nhóm, môn học

TT	Hoạt động	Khối lớp	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Lực lượng tham gia
1	Giáo dục ATGT và	10,11,12	Ngoại khóa	Tháng 9/2022	Tại trường	Đoàn trường

	VHGT					
2	Hưởng ứng “Tuần lễ học tập suốt đời”	10,11,12	Sinh hoạt lớp, FB Đoàn trường, họp hội đồng	Tháng 10/2022	Tại trường	GVCN, Đoàn trường GV, NV, HS
3	Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai	10,11,12	Ngoại khóa	Tháng 10/2022	Tại trường	Tổ Anh-Sử-Địa-GDCD
4	Chào mừng Ngày Phụ nữ Việt Nam	Toàn trường	Ngoại khóa	Tháng 10/2022	Tại trường	Ban Vi sự tiến bộ phụ nữ
5	Kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11	Toàn trường	Ngoại khóa	Tháng 11/2022	Tại trường	Nhà trường, Công đoàn, Đoàn trường
6	Tuyên truyền về phòng, chống các tệ nạn xã hội	10,11,12	Ngoại khóa	Tháng 12/2022	Tại trường	Tổ Toán-Tin
7	Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (ngày 4/4)	10,11,12	Ngoại khóa	Tháng 3/2023	Tại trường	Tổ Toán-Tin
8	Kỷ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ 8-3	Toàn trường	Ngoại khóa	Tháng 3/2023	Tại trường	Ban Nữ Công, Tổ Văn - Thể dục – GDQP
9	Kỷ niệm Ngày Thành lập Đoàn Thanh niên	Toàn trường	Ngoại khóa	Tháng 3/2023	Tại trường	Đoàn trường
10	Đa dạng hóa sinh học (ngày 22/5)	10,11,12	Ngoại khóa	Tháng 4/2023	Tại trường	Tổ Lý-Hóa-Sinh-CN
11	GD chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (Tháng hành động 28/6)	10,11,12	Ngoại khóa	Tháng 5/2023	Tại trường	
12	Câu lạc bộ tiếng Anh	Thành viên CLB	SH câu lạc bộ	Cả năm học	Tại trường	GV Tiếng Anh, đ/c Phụng (chủ trì)
13	Câu lạc bộ Văn học	Thành viên CLB	SH câu lạc bộ	Cả năm học	Tại trường	GV Văn đ/c Loan (chủ trì)
14	Câu lạc bộ PBGDPL	Thành viên CLB	SH câu lạc bộ	Cả năm học	Tại trường	Các thành viên CLB,



						đ/c Lương (chủ trì)
--	--	--	--	--	--	------------------------

#### 4. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Thời điểm kiểm tra: Giữa kỳ I: tuần 9, 10 (từ 01/11-12/11); cuối kỳ I: tuần 15, 16 (từ 12/12-24/12); giữa kỳ II: tuần 25, 26 (từ 6/3-18/3); cuối kỳ II: tuần 30, 31 (từ 10/4-22/4).

Phương thức kiểm tra: Tập trung các môn Văn, Toán, Tiếng Anh cho cả 3 khối lớp cả 2 kì; Theo khối lớp môn Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD theo học kỳ; các môn còn lại kiểm tra theo môn học, lớp học. Hình thức kiểm tra: trên giấy, trực tiếp hoặc thực hành, dự án đối với các môn học/HĐGD có điều kiện).

Thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định<sup>2</sup>

### IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRONG NĂM HỌC

#### 1. Tổ chức thao giảng và thực hiện Chuyên đề tiết dạy sáng tạo

- Thực hiện hiệu theo công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT<sup>3</sup>.

- Lưu hồ sơ theo quy định như sau:

+ Hồ sơ thao giảng: Giáo án; Các phiếu nhận xét tiết thao giảng; Các biên bản đánh giá kết quả thao giảng.

+ Hồ sơ Chuyên đề tiết dạy sáng tạo: Nội dung chuyên đề; Phiếu nhận xét chuyên đề; Các biên bản đánh giá kết quả chuyên đề.

#### 2. Sinh hoạt cụm chuyên môn<sup>4</sup>

#### 3. Bồi dưỡng học sinh giỏi

Giao các tổ/nhóm chuyên môn chủ động bồi dưỡng, tuyển chọn học sinh giỏi tham gia các cuộc thi, kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh năm học 2022-2023:

+ Lớp 12: gồm các bộ môn Văn, Tiếng Anh, Sinh, Hóa, GDCD.

+ Lớp 11: gồm Văn, Hóa, Sinh, Anh, Địa, Lịch sử.

#### 4. Ôn thi tốt nghiệp THPT

Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu đổi mới trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023. Bám sát phương án và cấu trúc đề thi tham khảo kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 xây dựng nội dung và phương pháp ôn tập cho phù hợp ở từng bộ môn. Tạo sự chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức ôn thi của các tổ chuyên môn, giáo viên; làm tốt công tác phối hợp với cha mẹ học sinh để cùng với nhà trường động viên, nhắc nhở và quản lý quá trình ôn tập của học sinh đạt hiệu quả cao nhất; những

<sup>2</sup>. Học sinh lớp 10 đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT. Học sinh lớp 11, 12 đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT.

<sup>3</sup>. Công văn số 1704/SGDDT-GDTrHTX ngày 24/5/2021 về việc tổ chức thao giảng và Chuyên đề tiết dạy sáng tạo. Công văn 1633/SGDDT-GDTrHTX ngày 2/8/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung về thao giảng và Chuyên đề tiết dạy sáng tạo tổ chức thao giảng và Chuyên đề tiết dạy sáng tạo.

<sup>4</sup>. Công văn số 1992/SGDDT-TrHTX ngày 11 tháng 10 năm 2022

trường hợp học sinh có năng lực học còn yếu, nhà trường sẽ tổ chức theo nhóm bộ môn để phụ đạo, kèm cặp.

Đảm bảo thời lượng ôn tập phù hợp với dung lượng kiến thức, thời gian và tâm lý vừa sức đối với học sinh, làm sao để đạt hiệu quả cao nhất.

## 5. Giáo dục STEM

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường. Nội dung kiến thức của bài học STEM thuộc một môn học trong chương trình nhằm giải quyết được vấn đề đặt ra một cách tương đối trọn vẹn. Trường giao nhiệm vụ thực hiện 02 bài học STEM ở bộ môn Vật lý và bộ môn Công nghệ (thực hiện ở kì 1 hoặc mỗi học kì 1 bài)<sup>5</sup>.

## V. KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG, BỐ TRÍ VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐẢM BẢO KHẢ THI, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác từ công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường CSVN, xây dựng trường học thân thiện, tích cực, an toàn, xanh - sạch - đẹp. Thực hiện xã hội hóa để sửa nhà xe học sinh và đường vào nhà xe. Tổng mức kinh phí đầu tư khoảng 183 triệu đồng.

Thực hiện nghiêm túc các công văn của Sở GDĐT về việc mua sắm, sử dụng, quản lý và bảo quản thiết bị dạy học. Xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học của tổ chuyên môn và của giáo viên (theo Phụ lục II và Phụ lục IV của Công văn số 2593), trong đó chú trọng mua sắm các thiết bị dạy học theo Chương trình mới<sup>6</sup>: Môn Ngữ Văn; môn Toán; môn Ngoại ngữ; môn Giáo dục thể chất; môn Lịch sử; môn Địa lý; môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật; môn Vật lý; môn Hóa học; môn Sinh học; môn Công nghệ; môn Tin học; môn Âm nhạc; môn Mĩ thuật; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Thiết bị dùng chung).

Tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm chất lượng việc dạy học và kiểm tra, đánh giá trực tuyến; sử dụng có hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, không để thiết bị dạy học được trang bị nhưng không sử dụng; tăng cường kiểm tra, giám sát tần suất sử dụng thiết bị và đồ dùng học tập trong quá trình dạy học.

Tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách xã hội hóa để nhận thức đúng đắn, đầy đủ và thực hiện có hiệu quả chủ trương huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục.

Ghi nhận, tôn vinh, nhân rộng gương điển hình những cá nhân, tổ chức có đóng góp, tài trợ cho nhà trường trong phục vụ sự nghiệp giáo dục.

## VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức dạy học, đổi mới phương pháp giáo dục, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục, các hoạt động chuyên môn.

Thực hiện nghiêm túc Công văn của Sở GD&ĐT về việc xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức dạy học nhà trường năm học 2022- 2023.

<sup>5</sup>. Công văn số 1660 /SGDDT-TrHTX Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2022-2023.

<sup>6</sup>. Thông tư số: 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.



Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

## **2. Công tác triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10**

Bám sát Thông tư và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT Quảng Bình về thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 10 đảm bảo theo kế hoạch, lộ trình và theo định hướng phát triển giáo dục.

Thực hiện công tác chọn cử giáo viên các bộ môn, giáo viên chủ nhiệm có năng lực, uy tín để thực hiện có hiệu quả, thành công chương trình GDPT 2018 đối với lớp 10.

## **3. Việc triển khai dạy học tiếng Anh, Tin học, các môn tự chọn, nội dung giáo dục địa phương, dạy thêm học thêm, phụ đạo**

Dạy học ngoại ngữ thực hiện chương trình Tiếng Anh GDPT 2018 cho khối 10, hệ 10 năm cho khối 11 và 7 năm cho khối 12, đảm bảo đúng phân phối chương trình đã ban hành.

Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị ứng dụng CNTT trong nhà trường đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy và quản lý: Đảm bảo phòng máy tính dành cho học sinh, các phòng tổ chuyên môn, cán bộ quản lý đều được trang cấp máy tính; các phòng học được trang bị ti vi, máy chiếu.

Thực hiện dạy tự chọn theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT<sup>7</sup>. Bố trí dạy học tự chọn trên cơ sở đảm bảo cân đối tương đối phù hợp số tiết của từng giáo viên trong năm học; các môn học có tiết tự chọn kiểm tra thêm một bài kiểm tra thường xuyên; nội dung dạy học theo chuyên đề tự chọn bám sát. Dạy học tự chọn nhằm củng cố, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng; giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo và năng lực vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

Việc dạy thêm và học thêm được thực hiện theo đúng theo Quy định và Hướng dẫn các cấp<sup>8</sup>.

## **4. Việc xây dựng các nguồn học liệu, thiết kế bài giảng trực tuyến,...**

Chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn tăng cường kỹ năng khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e-learning; kỹ năng quản lý, khai thác, sử dụng thiết bị CNTT phục vụ dạy học.

**5. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; công tác xã hội, tư vấn tâm lý; giáo dục hướng nghiệp, y tế học đường, thư viện, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh**

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; Kế hoạch số 1209/KH-UBND

<sup>7</sup>. Công văn 8607/BGDĐT-GDTrH về Hướng dẫn dạy tự chọn cấp THCS và cấp THPT.

<sup>8</sup>. Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 23/10/2012; các văn bản hướng dẫn liên quan khác về dạy thêm, học thêm.



ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 18/4/2018 của Thường vụ Tỉnh ủy về công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương cho các thế hệ trẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học; tăng cường an ninh, an toàn trường học và các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường.

Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội và phòng, chống tham nhũng; chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường.

Chỉ đạo tổ Tư vấn tâm lý hoạt động có hiệu quả theo quy định tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT và tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn theo Quyết định số 1876/QĐ-BGDĐT ngày 21/5/2018 ban hành chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh.

#### **6. Công tác giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật**

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật theo Luật Người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 của ngành giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi về học tập cho học sinh khuyết tật chú trọng đến sự tiến bộ trong rèn luyện của học sinh. Giáo dục học sinh khuyết tật phải phù hợp đối tượng, chủ động điều chỉnh linh hoạt về tổ chức dạy học, chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật

#### **7. Công tác an ninh, an toàn trường học, phòng, chống dịch bệnh; phòng cháy chữa cháy**

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, không có các tệ nạn xã hội, không xảy ra bạo lực học đường. Tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm thu hút sự tham gia của học sinh. Phối hợp với các địa phương nhằm đảm bảo ANTT trên đường đi học.

Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, các Trạm Y tế xã trên địa bàn trong việc phòng, chống dịch bệnh COVID-19, chỉ đạo các tổ, bộ phận trong nhà trường triển khai dạy học thích ứng linh hoạt để hoàn thành chương trình năm học theo đúng kế hoạch.

Tiếp tục phổ biến, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực PCCC và CNCH đến toàn thể CBGVNV nắm để tổ chức thực hiện PCCC&CNCH, kịp thời trang bị, thay thế các dụng cụ, phương tiện chữa cháy không đảm bảo chất lượng để phục vụ công tác chữa cháy tại chỗ.

#### **8. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong trường học**



Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về: lớp học, người học (kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, cơ sở vật chất và thiết bị trường học, công tác y tế trường học;

Ứng dụng công nghệ để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

Thực hiện Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019, chỉ đạo khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục để cung cấp số liệu thống kê; thông tin, báo cáo đầy đủ, chính xác lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo yêu cầu.

Bước đầu sử dụng hồ sơ điện tử (sổ điểm), triển khai ứng dụng CNTT kết nối, trao đổi thông tin giữa phụ huynh và nhà trường.

Triển khai sử dụng và phân công trách nhiệm cho các giáo viên phụ trách các phần mềm đảm bảo sử dụng có hiệu quả.

### **9. Công tác phát triển, sắp xếp đội ngũ; tổ, nhóm chuyên môn**

Bố trí các chức danh chủ chốt của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chuyên môn bảo đảm đúng nguyên tắc, dân chủ, công khai, minh bạch. Thực hiện quy trình sáp nhập các tổ chuyên môn theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

### **10. Công tác kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Bám sát các văn bản hướng dẫn về công tác kiểm tra của Bộ và Sở để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ; thành lập Ban kiểm tra của Nhà trường; xây dựng quy trình kiểm tra và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; hồ sơ kiểm tra được lưu giữ theo quy định.

Tăng cường bồi dưỡng công tác quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cho đội ngũ cốt cán. Nâng cao văn hóa, nghiệp vụ về công tác tiếp công dân: Có phòng tiếp công dân, phân công lịch trực và cán bộ phụ trách tiếp công dân theo quy định; tiếp nhận, xử lý, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Phát huy vai trò và tăng cường hoạt động của Ban thanh tra nhân dân theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

### **11. Công tác tài chính; chế độ chính sách cho giáo viên, học sinh**

Hoàn thiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế hoạt động nhà trường, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quy chế công khai dân chủ.

Các chế độ của nhà giáo được quan tâm đúng mức, giải quyết đúng, đủ, kịp thời như: chi trả lương hàng tháng, nâng lương trước thời hạn, chế độ làm thêm giờ v.v...

Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh phải được thực hiện kịp thời, khách quan, công tâm, dân chủ.

### **12. Công tác phát triển, tăng trưởng CSVC, thiết bị dạy học**

Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác từ công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất (sửa chữa mái và đường vào nhà xe học sinh), đề xuất cấp có thẩm quyền có kế hoạch xây dựng phòng học bộ môn, cải tạo và nâng cấp khuôn viên vườn trường, xây tường rào...

Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học để có kế hoạch sửa chữa và bổ sung kịp thời nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông;



yêu cầu giáo viên tăng cường sử dụng thiết bị dạy học của nhà trường để đảm bảo việc dạy học có chất lượng.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra CSVC đầu năm học và bàn giao cho các lớp học; tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ CSVC, bảo vệ tài sản chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; thực hiện nghiêm túc việc kiểm kê tài sản hàng năm.

### **13. Công tác KĐCLGD, xây dựng trường chuẩn quốc gia**

Nhà trường bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở để tiếp tục hoàn thiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thành lập Hội đồng tự đánh giá của nhà trường; xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định; tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá.

Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể, bộ phận tiếp tục thu thập minh chứng, lưu trữ đúng quy trình thuận lợi cho công tác mã hóa, tập hợp, viết phiếu tự đánh giá.

### **14. Công tác quản lý điều hành**

Ban giám hiệu được phân công nhiệm vụ rõ ràng, mỗi người có kế hoạch cá nhân để thực hiện tốt việc chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động của tổ chuyên môn về dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực; về tổ chức tham gia các cuộc thi, về các hoạt động khác trong nhà trường theo nhiệm vụ phân công; có đủ hồ sơ quản lý và cập nhật thường xuyên.

Đề cao và phát huy vai trò của lãnh đạo tổ, nhóm chuyên môn. Thực hiện công tác quy hoạch, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để tạo nguồn cán bộ quản lý.

Quản lý hoạt động dạy học, giáo dục theo các quy định hiện hành và theo Kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của nhà trường. Quản lý hồ sơ theo quy định.

### **15. Công tác thi đua, khen thưởng**

Công tác thi đua, khen thưởng đối với các tổ, bộ phận và cá nhân thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng, ngành Giáo dục và theo hướng dẫn cụ thể của Sở GDĐT đối với năm học 2022 - 2023.

Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỷ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực để rèn luyện ý thức, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

### **16. Công tác văn thư, lưu trữ**

Tăng cường quản lý nhà nước hoạt động nghiệp vụ về công tác văn thư, lưu trữ trong nhà trường. Đưa hoạt động văn thư, lưu trữ trong nhà trường đi vào nề nếp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hiệu trưởng**



Hiệu trưởng là người lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được cấp trên giao, chịu trách nhiệm cá nhân trước cấp trên và trước pháp luật về mọi hoạt động của nhà trường. Phân công nhiệm vụ, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng tuần, từng tháng, từng học kỳ và cả năm.

Thực hiện chế độ chính sách, quản lý tài chính, tài sản, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

## **2. Phó hiệu trưởng**

Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về các lĩnh vực công việc được phân công.

Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác để cùng với Hiệu trưởng chỉ đạo, quản lý, điều hành và theo dõi, kiểm tra các công việc được giao.

## **3. Tổ trưởng tổ chuyên môn và các nhóm trưởng bộ môn**

Xây dựng kế hoạch hoạt động, quản lý, điều hành và theo dõi, kiểm tra các công việc được giao của tổ mình phụ trách;

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra đánh giá chất lượng chuyên môn của các thành viên trong tổ;

Đề xuất khen thưởng, kỷ luật; tổ chức đánh giá xếp loại giáo viên định kỳ theo yêu cầu của hiệu trưởng;

Chủ trì các buổi sinh hoạt tổ. Chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động của tổ.

Nhóm trưởng bộ môn chịu trách nhiệm về phần hành do Tổ trưởng giao, chịu trách nhiệm về kết quả bộ môn do mình phụ trách, xây dựng kế hoạch nhóm và thực hiện theo chỉ tiêu được giao.

## **4. Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội LHTN trường**

Xây dựng kế hoạch hoạt động theo đúng Điều lệ, thực hiện công tác giáo dục Đoàn viên, thanh niên góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

## **5. Giáo viên chủ nhiệm**

Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh, điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và từng học sinh.

Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, giáo viên bộ môn, Đoàn trường trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh. Nhận xét, đánh giá, xếp loại học sinh cuối kỳ, cuối năm. Đề nghị khen thưởng, kỷ luật học sinh; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ của học sinh.

## **6. Giáo viên phụ trách bộ môn**

Dạy học, giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục, tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục.

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, gia đình học sinh, Đoàn trường trong dạy học và giáo dục.

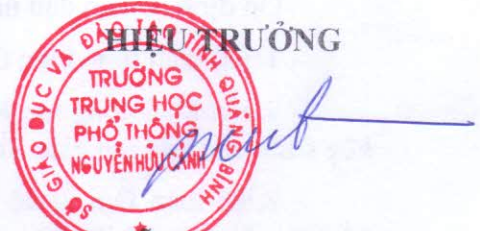
### 7. Nhân viên

Xây dựng kế hoạch và thực hiện các phần việc được giao, ngoài ra còn phải làm kiêm nhiệm những công việc khác do Tổ trưởng hoặc Ban giám hiệu giao. Hỗ trợ, phối hợp với các tổ, bộ phận, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong các hoạt động giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục chung của nhà trường năm học 2022-2023. Các nội dung hoạt động đều có kế hoạch riêng, cụ thể. Hàng tháng, hàng tuần nhà trường sẽ triển khai cụ thể đến các Tổ, bộ phận và các thành viên. Các tổ, bộ phận và mỗi thành viên trong nhà trường căn cứ kế hoạch này và các văn bản liên quan để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT (báo cáo);
- CB, HĐT, BGH, CD, Đoàn trường, các tổ;
- Thông báo chung;
- Lưu: VP.



Nguyễn Thị Kim Oanh

### PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ GD&ĐT



- Thi GVG cấp tỉnh.

### **Tháng 12/2022**

- Tổ chức đợt thi đua chào mừng ngày Thành lập QĐND Việt Nam 22-12.
- Thực hiện các hoạt động chuyên môn và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.
- Chỉ đạo công tác ôn tập, kiểm tra học kì I.
- Kiểm tra kiểm kê tài sản, CSVC cuối năm.
- Thi HSG lớp 12.

### **Tháng 01/2023**

- Hoàn thành các loại hồ sơ, báo cáo học kỳ 1.
- Sơ kết học kỳ 1.

### **Tháng 02/2023**

- Phân công giảng dạy học kỳ 2.
- Thực hiện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.
- Tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh khối 12.

### **Tháng 3/2023**

- Tổ chức hoạt động thi đua chào mừng Ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 và Ngày thành lập Đoàn 26 -3.
- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.
- Tham gia Hội khỏe Phù Đổng năm học 2022 – 2023.

### **Tháng 4/2023**

- Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học kỳ 2.
- Thi HSG lớp 11.
- Tham gia giải Thể thao học sinh cấp tỉnh.
- Chỉ đạo và triển khai ôn tập và kiểm tra học kì II.
- Chỉ đạo và tổ chức triển khai ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
- Triển khai công tác tuyển sinh 10.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định và thi đua các lớp.

### **Tháng 5/2023**

- Tiếp tục chỉ đạo ôn tập và kiểm tra học kì II và Ôn thi THPT QG.
- Thi Thử tốt nghiệp 12.
- Tổ chức kiểm tra lại các môn văn hóa cho học sinh.
- Hoàn thành báo cáo cuối kỳ, báo cáo tổng kết năm học.
- Tổng kết năm học - Lễ tri ân và trưởng thành cho học sinh 12.
- Đánh giá xếp loại giáo viên, xét thi đua khen thưởng.
- Chuẩn bị cho công tác thi/xét tuyển sinh, thi tốt nghiệp THPT năm 2023

**Tháng 6/2023**

- Hoàn thành các loại hồ sơ năm học.
- Thi tốt nghiệp THPT năm 2022

**Tháng 7/2023**

- Tuyển sinh vào lớp 10 THPT.
- Bồi dưỡng giáo viên.
- Hoàn thành báo cáo Kiểm định chất lượng.

**Tháng 8/2023**

- Tập huấn theo kế hoạch của Sở.
- bị cho năm học 2023- 2024

*(Tùy theo tình hình thực tế, lịch hoạt động này có thể được bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp.)*



**TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU CẢNH**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN  
NĂM HỌC 2022 - 2023**

Căn cứ đặc điểm tình hình (đặc biệt là chất lượng đầu vào của học sinh lớp 10) của Trường năm học 2022 - 2023 và kết quả đạt được trong năm học 2021-2022, nhà trường dự kiến một số chỉ tiêu năm học 2022 - 2023 như sau:

**1. Tỷ lệ về duy trì số lượng:** tỉ lệ bỏ học  $\leq 1,1\%$ .

**2. Chỉ tiêu các bộ môn:**

Bộ môn	Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém		>=TB		Ghi chú
	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	
<b>Toán</b>	5.84	6.00	26.73	28.00	57.72	55.5	9.38	10.00	0.18	0.00	90.44	90.00	
<b>Văn</b>	6.55	9.39	40.18	38.67	48.09	48.38	3.19	3.56	0.00	0.00	96.81	96.44	
<b>Anh</b>	3.54	4.50	26.73	26.00	51.50	51.50	18.23	18.00	0.00	0.00	81.77	82.00	
<b>Lý</b>	6.02	6.50	49.20	48.00	35.75	35.50	9.03	10.00	0.00	0.00	90.97	90.00	
<b>Hóa</b>	8.67	9.00	47.43	49.00	37.70	36.00	6.20	6.00	0.00	0.00	93.81	94.00	
<b>Sinh</b>	16.11	16.00	58.94	58.00	20.88	21.00	2.89	5.00	0.18	0.00	95.93	95.00	
<b>Sử</b>	7.26	7.93	48.5	47.25	34.51	36.25	9.73	8.58	0.00	0.00	90.27	91.42	
<b>Địa</b>	10.97	14.78	60.89	60.52	26.02	22.61	2.12	2.09	0.00	0.00	97.88	97.91	
<b>GDCD</b>	27.26	25.00	66.19	67.50	6.73	6.50	0.18	1.00	0.00	0.00	99.82	99.00	
<b>Tin</b>	14.69	12.00	55.58	55.50	28.85	30.50	0.88	2.00	0.00	0.00	99.12	98.00	
<b>CN11,12</b>	35.61	35.00	53.70	54.00	10.39	10.00	0.30	1.00	0.00	0.00	99.70	99.00	
<b>CN10</b>	13.6	14.00	70.18	70.00	13.60	14.00	2.62	2.00	0.00	0.00	97.37	97.00	
<b>TD</b>					99.47		0.53				99.47		
<b>QPAN</b>	27.43	30.00	67.43	64.00	4.96	5.50	0.18	0.50	0.00	0.00	99.82	99.50	
<b>GD ĐP</b>					100	100		0.00				100.00	
<b>HĐTN-HN</b>					100	100		0.00				100.00	



**3. Chỉ tiêu về Học lực, Hạnh kiểm chung toàn trường**

Xếp loại hai mặt GD	Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém		Ghi chú
	Năm học	Chỉ tiêu	Năm học	Chỉ tiêu	Năm học	Chỉ tiêu	Năm học	Chỉ tiêu	Năm học	Chỉ tiêu	
	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023	
Hạnh kiểm	55.9	58.4	40.5	37.9	3.4	3.4	0.2	0.3	0	0	
Học lực	6.0	6.3	37.9	37.7	53.8	51.6	2.3	4.4	0	0	

**4. Chỉ tiêu thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

+ Tỷ lệ tốt nghiệp THPT: trên mức bình quân của tỉnh, xếp thứ 16 - 18 toàn tỉnh (Năm 2022 đạt tỉ lệ 98.71%, trên mức bình quân của tỉnh 97.40%, xếp thứ 11).

+ Điểm trung bình bài thi: trên mức bình quân của tỉnh, xếp thứ 15 - 17 toàn tỉnh (Năm 2022: Điểm trung bình bài thi 6.03 dưới mức bình quân của tỉnh 6.21, xếp thứ 23, Điểm TBHB 7,38 dưới mức Điểm TBHB của tỉnh 7.4).

+ Chỉ tiêu các bộ môn dự thi TN THPT năm 2023:

	ĐTB của tỉnh 2022(*)	ĐTB môn 2022	ĐTB		Đăng kí ĐTB môn 2023 (ĐTB Tăng/Giảm)	TBHB		X.Thứ 2022	X.Thứ 2023
			Tăng/Giảm	Tăng/Giảm		2022	2023		
TOÁN	5.76	5.16	-0.60	5.5	-0.26	6.56	6.50	26	22
VĂN	6.06	6.20	0.14	6.20	0.14	6.78	6.9	12	12
ANH	4.49	3.73	-0.76	4.7	0.21	6.5	6.5	26	18
LÝ	6.77	6.53	-0.24	6.8	0.03	7.15	7.15	23	18
HÓA	7.07	7.12	0.05	7.15	0.08	7.41	7.5	15	10
SINH	5.12	5.38	0.26	5.5	0.38	7.44	7.3	7	7
SỬ	6.36	6.06	-0.30	6.2	-0.16	7.09	7.1	24	21
ĐỊA	6.51	6.54	0.03	6.54	0.03	7.48	7.4	14	14
GDCD	7.83	7.53	-0.30	7.87	0.04	7.92	7.9	26	20

Điểm TB tăng giảm so với (\*)

**5. Chỉ tiêu Các cuộc thi cấp tỉnh**



Có 12 giải văn hóa cấp tỉnh, 01 giải KHKT, Đạt 5 - 6 huy chương.

+ Lớp 12: 06 giải gồm: Văn: 01 giải; Tiếng Anh: 01 giải; **Sinh: 02**; Hóa 01 giải. **GDGD 01 giải**.

+ Lớp 11: 06 giải gồm: Văn 01 giải; Hóa 01 giải; Sinh 01 giải; Anh 01 giải; Địa: 01 giải, Lịch sử 01 giải,

- Tham gia Hội thao Giáo dục QP-AN và Giải Thể thao học sinh: Đạt 5 - 6 Huy chương.

#### **6. Chỉ tiêu chất lượng đội ngũ**

- Đội ngũ trên chuẩn 13/37 đ/c (chiếm 34 %), mỗi năm có từ 1 - 2 giáo viên đi học cao học.

- Có 01 đ/c học Trung cấp Lí luận chính trị và 01 học Quản lí giáo dục.

- Đánh giá, xếp loại CB, GV theo Chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 16 đ/c.

- Xếp loại công chức, viên chức: HTXSNV: 7 - 8 đ/c; không có CB, GV, NV không hoàn thành nhiệm vụ.

- Xếp loại thi đua cuối năm: 100% CB, GV, NV đạt danh hiệu *Lao động tiên tiến* (trong đó có 15% đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở*).

#### **7. Chỉ tiêu tập thể**

Nhà trường: Tập thể Lao động tiên tiến;

Chi bộ Đảng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Công đoàn: Vững mạnh xuất sắc;

Đoàn trường: Vững mạnh xuất sắc;

Các tổ chức, đoàn thể khác: Vững mạnh và Vững mạnh xuất sắc.

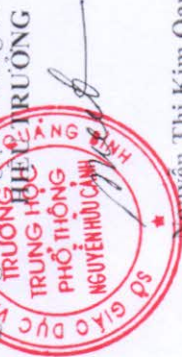
Tổ tiên tiến xuất sắc: Hóa -Sinh- CN-TDQP; Văn-Sử- Địa - GDGD.

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU CẢNH

**ĐĂNG KÍ KẾT QUẢ XẾP LOẠI  
HỌC LỰC, HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2022 - 2023**

TT	Lớp	Số	XẾP LOẠI HỌC LỰC										XẾP LOẠI HẠNH KIỂM									
			Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém		Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	12A	39	14	35.9	25	64.1	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	39	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2	12B	35	0	0.0	11	31.4	24	68.6	0	0.0	0	0.0	0	0.0	19	54.3	16	45.7	0	0.0	0	0.0
3	12C	33	1	3.0	12	36.4	20	60.6	0	0.0	0	0.0	0	0.0	19	57.6	13	39.4	1	3.0	0	0.0
4	12D	35	0	0.0	16	45.7	19	54.3	0	0.0	0	0.0	0	0.0	19	54.3	15	42.8	1	2.9	0	0.0
5	12E	35	0	0.0	12	34.3	23	65.7	0	0.0	0	0.0	0	0.0	18	51.4	16	45.7	1	2.9	0	0.0
<b>Tổng 12</b>	<b>177</b>	<b>15</b>	<b>8.5</b>	<b>76</b>	<b>42.9</b>	<b>86</b>	<b>48.6</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>114</b>	<b>64.4</b>	<b>60</b>	<b>33.9</b>	<b>3</b>	<b>1.7</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	
6	11A	39	0	0.0	10	25.7	27	69.2	2	5.1	0	0.0	0	0.0	17	43.6	20	51.3	2	5.1	0	0.0
7	11B	34	0	0.0	8	23.5	26	76.5	0	0.0	0	0.0	0	0.0	17	50.0	15	44.1	2	5.9	0	0.0
8	11C	36	0	0.0	10	27.8	26	72.2	0	0.0	0	0.0	0	0.0	17	47.2	19	52.8	0	0.0	0	0.0
9	11D	38	0	0.0	11	29.0	26	68.4	1	2.6	0	0.0	0	0.0	19	50.0	18	47.4	1	2.6	0	0.0
10	11E	37	0	0.0	9	24.3	28	75.7	0	0.0	0	0.0	0	0.0	15	40.5	19	51.4	3	8.1	0	0.0
11	11G	40	12	30.0	28	70.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	37	92.5	3	7.5	0	0.0	0	0.0
<b>Tổng 11</b>	<b>224</b>	<b>12</b>	<b>5.4</b>	<b>76</b>	<b>33.9</b>	<b>133</b>	<b>59.4</b>	<b>3</b>	<b>1.3</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>122</b>	<b>54.5</b>	<b>94</b>	<b>41.9</b>	<b>8</b>	<b>3.6</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	
12	10A	41	0	0.0	14	34.1	25	61.0	2	4.9					24	58.5	14	34.2	2	4.9	1	2.4
13	10B	44	0	0.0	10	22.7	25	56.8	9	20.5					20	45.5	20	45.4	3	6.8	1	2.3
14	10C	43	11	25.6	32	74.4	0	0.0	0	0.0				43	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	
15	10D	44	0	0.0	15	34.1	24	54.5	5	11.4				18	40.9	23	52.3	3	6.8	0	0.0	
16	10E	44	1	2.3	10	22.7	25	56.8	8	18.2				20	45.5	22	50.0	2	4.5	0	0.0	
<b>Tổng 10</b>	<b>216</b>	<b>12</b>	<b>5.6</b>	<b>81</b>	<b>37.5</b>	<b>99</b>	<b>45.8</b>	<b>24</b>	<b>11.1</b>					<b>125</b>	<b>57.9</b>	<b>79</b>	<b>36.6</b>	<b>10</b>	<b>4.6</b>	<b>2</b>	<b>0.9</b>	
<b>Tổng</b>	<b>617</b>	<b>39</b>	<b>6.3</b>	<b>233</b>	<b>37.8</b>	<b>318</b>	<b>51.5</b>	<b>27</b>	<b>4.4</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>316</b>	<b>51.2</b>	<b>233</b>	<b>37.8</b>	<b>21</b>	<b>3.4</b>	<b>2</b>	<b>0.3</b>	

Ngày 14 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Thị Kim Oanh